TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/DS - ST
Ngày: 03 - 12 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Nguyễn Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 và ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2020/TLST - DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020. Về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2021/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Trương Ngọc Q.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số 37, Võ Nguyên G, k6, p8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1994. Địa chỉ: số 353 đường Nguyễn Đ, K10, p7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: 1. Ông Phạm Văn Â, sinh năm 1948
2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1946
Cùng địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Phạm Thị L (tên gọi khác H), sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trương Ngọc Q1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 37, Võ Nguyên G, khóm 6, p8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Công ty TNHH xử lý nợ T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P. Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Số 37, Võ Nguyên G, k6, p 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thời gian từ năm 2017 Công ty TNHH Trương Ngọc Q có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Â và bà Đ, ngày 08/12/2017 ông Â và bà Đ có xác nhận công nợ là 186.491.000đồng, đến ngày 14/12/2017 ông Â và bà Đ tiếp tục mua hàng với số tiền là 3.016.000đồng; tổng cộng ông Â và bà Đ nợ Công ty TNHH Trương Ngọc Q là 189.507.000đồng. Công ty TNHH Trương Ngọc Q đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Â và bà Đ cứ hẹn mà không trả; ngày 31/7/2018 bà Trương Ngọc Q là vợ của ông Nguyễn Văn T có lập hợp đồng ủy quyền cho Công ty TNHH xử lý nợ T thực hiện đòi nợ của ông Â và bà Đ, quá trình thực hiện thì phía Công ty TNHH xử lý nợ T có nhận được số tiền trả nợ là 30.000.000đồng từ ông Â và bà Đ, phía Công ty TNHH xử lý nợ T đã giao số tiền này lại cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q.

Theo đơn khởi kiện thì Công ty TNHH Trương Ngọc Q có yêu cầu ông Â và bà Đ trả số tiền vốn là 189.507.000đồng và lãi chậm thanh toán là 68.146.717đồng, nhưng phía ông Â và bà Đ không thừa nhận mà cho rằng chỉ có nợ Công ty TNHH Trương Ngọc Q là 140.000.000đồng; nay Công ty TNHH Trương Ngọc Q thống nhất số tiền nợ như ông Â và bà Đ thừa nhận và đồng ý trừ số tiền 30.000.000đồng mà ông Â và bà Đ đã trả thông qua Công ty TNHH xử lý nợ T; yêu cầu ông Â và bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền còn lại 110.000.000đồng, ngoài ra không yêu cầu tiền lãi.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ trình bày: Ông bà bắt đầu mua thức ăn chăn nuôi của Công ty TNHH Trương Ngọc Q từ năm 2015, khi mua có thỏa thuận đến xuất chuồng thanh toán, mỗi khi nhận thức ăn thì có ký sổ của nhân viên, có khi bà Đ ký, có khi con bà Đ (tên L) ký, có khi ông Â ký; đến khi trả tiền thì bà Đ cùng con trực tiếp đến trả, từng đợt chăn nuôi thì ông Â và bà Đ trả tiền đầy đủ. Đến năm 2017 do dịch bệnh nên có chậm trễ, ông Â bị bệnh tai biến kinh tế gia đình có khó khăn nên không hoàn thành cho phía công ty, cũng từ đó mà Công ty TNHH Trương Ngọc Q đã ngưng không giao thức ăn, thời điểm này thì bà Đ có ký sổ nợ Công ty TNHH Trương Ngọc Q là 140.000.000đồng (mỗi bên giữ một bản); đến khoảng tháng 8 hay 9/2018 thì Công ty TNHH Trương Ngọc Q có thuê xã hội đen lên nhà ông Â và bà Đ để đòi tiền, ông bà đã trả xong nợ cụ thể 03 lần: Lần 1 là 30.000.000đồng (do

ông H1 nhận và có ghi biên nhận), Lần 2 là 90.000.000đồng (do ông H2 nhận và có ghi biên nhận), Lần 3 là 20.000.000đồng (do ông H1và có ghi biên nhận); thời gian trả từng lần không nhớ cụ thể và giấy biên nhận cũng không còn giữ. Đối với hóa đơn nợ số tiền 189.507.000đồng phía Công ty TNHH Trương Ngọc Q cung cấp thì ông Â và bà Đ hoàn toàn không biết và không đồng ý trả nợ vì đã trả xong.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị L trình bày: Thời gian trước đây bà với ông Â và bà Đ có chăn nuôi heo nên có hợp đồng mua thức ăn tại Công ty TNHH Trương Ngọc Q, phần của bà mua thì ghi tên H, còn phần của ông Â và bà Đ thì ghi tên ông Â và bà Đ, nhưng tất cả giấy tờ sổ sách cũng như đi trả tiền đều do bà trực tiếp đi và ký tên, có khi cũng có chở bà Đ đi. Việc mua bán có thỏa thuận khi xuất chuồng trả đủ tiền, thời gian mua là từ năm 2015 đều thực hiện đủ. Nhưng đến cuối năm 2017 do ảnh hưởng dịch bệnh nên bà với ông Â và bà Đ thanh toán chậm trễ, do đó Công ty TNHH Trương Ngọc Q ngưng không giao thức ăn nữa, thời điểm này thì phần tiền của bà còn nợ là 25.000.000đồng (có ký hóa đơn nợ), phần của ông Â và bà Đ là 140.000.000đồng (bà Đ có ký hóa đơn nợ). Đến năm 2018 bà đi Nga làm có để lại heo cho ông Â và bà Đ nuôi dùm, thời gian đi làm thì bà có nghe bà Đ điện thoại cho hay là Công ty TNHH Trương Ngọc Quý đã thuê xã hội đen lên đòi nợ nên bà Đ đã trả nợ của bà và nợ của ông Â, bà Đ xong cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Ngọc Q1 trình bày: Ngày 31/7/2018 bà có lập hợp đồng ủy quyền cho Công ty TNHH xử lý nợ T do ông Trần Văn P là giám đốc làm đại diện để thu hồi nợ của ông Â và bà Đ, tuy nhiên phía Công ty TNHH xử lý nợ T đã thu và đưa lại cho bà nhận là 30.000.000đồng nhưng không làm biên nhận. Nay bà đồng ý số tiền ông Â và bà Đ nợ là 140.000.000đồng như ông Â và bà Đ đã thừa nhận trừ 30.000.000đồng, còn lại 110.000.000đồng yêu cầu ông Â và bà Đ trả.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn P trình bày: Trước đây ông là giám đốc Công ty TNHH xử lý nợ T, vào năm 2018 ông có ký hợp đồng với Công ty TNHH Trương Ngọc Q để thu hồi nợ của một số hộ gia đình chưa thanh toán cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q, trong đó có hộ ông Â và bà Đ, quá trình thu hồi nợ thì Công ty TNHH xử lý nợ T đã thu hồi được từ ông Â và bà Đ là 30.000.000đồng và ông đã giao số tiền này lại cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q xong; ngoài ra ông không còn nhận khoản tiền nào khác từ ông Â và bà Đ. Hiện nay Công ty TNHH xử lý nợ T đã giải thể không còn hoạt động nữa, nay Công ty TNHH Trương Ngọc Q khởi kiện ông Â và bà Đ thì ông không liên quan vì giữa Công ty TNHH xử lý nợ T và Công ty TNHH Trương Ngọc Q đã chấm dứt hợp đồng.

Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm

này Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

* *Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Q.

Buộc ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q số tiền 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Q đối với số tiền chênh lệch theo đơn khởi kiện.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; vắng mặt ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ là bị đơn; vắng mặt bà Trương Ngọc Q1, bà Phạm Thị L và ông Trần Văn P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tất cả có đơn yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự trong vụ án và đại diện Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc D là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ là bị đơn; bà Trương Ngọc Q1, bà Phạm Thị L và ông Trần Văn P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tất cả vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:** Xét thấy giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi gia súc giữa Công ty TNHH Trương Ngọc Q với ông Â và bà Đ là có thật được thể hiện tại biên bản ghi lời khai ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C thì ông Â và bà Đ cũng thừa nhận là ông bà bắt đầu hợp đồng mua thức chăn nuôi gia súc của Công ty TNHH Trương Ngọc Q từ năm 2015. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự tình tiết đương sự thừa nhận là tình tiết không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C thì ông Â và bà Đ chỉ thừa nhận sau khi hai bên ngưng giao dịch thì ông Â và bà Đ còn nợ lại Công ty TNHH Trương Ngọc Quý số tiền

140.000.000đồng (có ký nhận nợ nhưng hiện không còn giữ) và số tiền này ông Â và bà Đ đã trả xong cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q thông qua những người đòi nợ thuê là ông H1 và ông H2, khi nhận tiền thì ông H1 và ông H2 có viết biên nhận cho ông Â và bà Đ giữ nhưng ông bà đã làm thất lạc. Xét thấy lời nại ra của ông Â và bà Đ là không có cơ sở chấp nhận; bởi lẽ căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp thì phải có nghĩa vụ chứng minh, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo cho ông Â và bà Đ cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả nợ xong cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q, cũng như cung cấp địa chỉ ông H1 và ông H2 mà ông bà trình bày đã nhận tiền trả nợ của ông bà nhưng ông bà vẫn không cung cấp được. Mặt khác căn cứ lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì bà D là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Trương Ngọc Q (nguyên đơn) và bà Trương Ngọc Q1 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) thống nhất số tiền nợ như ông Â và bà Đ thừa nhận là 140.000.000đồng và số tiền này Công ty TNHH Trương Ngọc Q đã nhận được 30.000.000đồng của ông Â và bà Đ thông qua Công ty TNHH xử lý nợ T; lời thừa nhận của nguyên đơn phù hợp lời khai của ông P là giám đốc Công ty TNHH xử lý nợ T. Do vậy nay Công ty TNHH Trương Ngọc Q yêu cầu ông Â và bà Đ trả số tiền còn lại là 110.000.000đồng là hoàn toàn có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Buộc ông Â và bà Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Trương Ngọc Q số tiền 110.000.000đồng. Đối với tiền lãi do Công ty TNHH Trương Ngọc Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Q đối với số tiền chênh lệch so đơn khởi kiện ban đầu.

[4]Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Â và bà Đ thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Công ty TNHH Trương Ngọc Q không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Q.

Buộc ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả Công ty TNHH Trương Ngọc Q số tiền 110.000.000đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Trương Ngọc Q đối với số tiền chênh lệch so đơn khởi kiện ban đầu.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Trương Ngọc Q không phải chịu án phí. Đối với số tiền 6.441.000đồng (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0003607 nộp ngày 01 tháng 10 năm 2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được trả lại Công ty TNHH Trương Ngọc Q.
- Ông Phạm Văn Â và bà Võ Thị Đ thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí, do đó ông bà không phải nộp.

"Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6 , 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh